

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13/5/2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và cấp dưỡng nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Ngọc Phiêm

2. Ông Hà Công Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành L - Sinh năm: 1975; Địa chỉ: **ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.**

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết H - Sinh năm: 1989; **Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.**

Tất cả có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Thành L trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2011, ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị Tuyết H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre ngày 01/12/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 đến 07 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hạnh phúc gia đình không còn. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay mà không

hàn gắn được nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về con chung và việc cấp dưỡng: Ông L và bà H có 01 người con chung tên Nguyễn Phương N, sinh ngày 24/8/2011, hiện đang sống chung với bà H. Khi ly hôn, ông L đồng ý để bà H được quyền trực tiếp nuôi con, tuy nhiên ông không cấp dưỡng nuôi con. Ông L cho rằng có thể cho con hơn số tiền mà H yêu cầu nhưng vì khi ly hôn với vợ trước ông đã không cấp dưỡng nuôi con nên lần này ông cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Hiện ông đang làm nghề lái tàu, thu nhập mỗi tháng khoảng mười mấy triệu.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H thống nhất với lời trình bày của ông L về thời gian, nơi đăng ký kết hôn, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như thời gian sống ly thân. Nay bà đồng ý ly hôn với ông L, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về con chung và việc cấp dưỡng: Bà H và ông L có 01 người con chung tên Nguyễn Phương N, sinh ngày 24/8/2011, hiện đang sống chung với bà H. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con là 700.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L, giao cho bà H được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Phương N, buộc ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật là 700.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Ông L, bà H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng, giải quyết tài sản chung và thống nhất không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông L khởi kiện bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp về quyền nuôi con, bà H có yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà H có nơi cư trú tại ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị Tuyết H tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre ngày 01/12/2011 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông L, bà H sống hạnh phúc khoảng 06 đến 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông bà xác định là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến gia đình không còn hạnh phúc nên ông L yêu cầu được ly hôn với bà H. Tại biên bản xác minh ngày 07/3/2019 và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện bà H và ông L đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay mà không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự vẫn không hàn gắn được. Cả ông L và bà H đều thống nhất ly hôn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của ông L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Ông L, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về quyền nuôi con: Ông L, bà H thống nhất là ông bà có một người con chung tên Nguyễn Phương N - Sinh ngày: 24/8/2011, hiện đang sống chung với bà H. Tại biên bản hỏi ý kiến ngày 21/02/2019, cháu N có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L và bà H đều thống nhất để bà H được quyền trực tiếp nuôi con. Tại biên bản xác minh và xác nhận của địa phương, trường học nơi cháu N sinh sống, học tập đều xác định cháu N được bà H chăm sóc giáo dục tốt, bà H có đủ điều kiện để nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao cháu N cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và ý chí nguyện vọng của các bên nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà H.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con 700.000đồng/tháng nhưng ông L không đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L đều xác định ông có công việc ổn định và thu nhập khoảng mười mấy triệu đồng. Tại biên bản xác minh ngày 07/3/2019, địa phương cũng xác định ông L có điều kiện kinh tế khá và có khả năng cấp dưỡng nuôi con. Lý do ông L đưa ra để không cấp dưỡng nuôi con là khi ly hôn với vợ trước ông không cấp dưỡng nuôi con nên khi ly hôn với bà H ông cũng không cấp dưỡng nuôi con là không hợp lý. Do đó, để đảm bảo quyền lợi ích của con chung chưa thành niên, Hội đồng xét xử xét thấy, ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình. Mức cấp dưỡng nuôi con mà bà H yêu

cầu là 700.000đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định và điều kiện kinh tế của các bên nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị Tuyết H cùng xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành L phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn và việc cấp dưỡng nuôi con.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 và khoản 5 Điều 28, các Điều 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thành L đối với bà Nguyễn Thị Tuyết H. Ghi nhận việc ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị Tuyết H không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết H được quyền trực tiếp nuôi người con chung giữa bà và ông Nguyễn Thành L là cháu Nguyễn Phương N - Sinh ngày: 24/8/2011 (hiện đang sống chung với bà H). Ông Nguyễn Thành L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 700.000đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

- Ông Nguyễn Thành L có quyền thăm nom con; không ai được cản trở ông L thực hiện quyền này. Trong trường hợp ông L lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của ông L.

- Vì lợi ích của con chung, ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị Tuyết H hoặc các nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị Tuyết H có quyền thỏa thuận giải quyết việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị Tuyết H cùng xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con; tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000587 ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Ông L phải nộp tiếp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Thanh